TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 437/2023/DS-PT
Ngày 13-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Bà Nguyễn Thị Rẻn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2023/TLPT-DS ngày 02/10/2023 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2023/DS-ST ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3450/2023/QĐ-PT ngày 13/10/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thiên N, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1969

2.2. Chị Trần Thị Sa R1, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Ấp An Trạch Đông, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn T và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trước đây vào năm 2018, anh T có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi gà cho bà R, chị R1, hai bên thỏa thuận khi nào bà R bán gà thì thanh toán tiền, thời gian bán gà khoảng 03 tháng kể từ ngày mua thức ăn. Việc mua bán các bên không có lập hợp đồng, nhưng có lập sổ sách theo dõi quá trình bán thức ăn và bà R có ký nhận. Do bà R không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên đến ngày 29/10/2022 hai bên chấm dứt việc mua bán và tổng kết sổ, bà R còn nợ anh T tổng cộng 273.371.000 đồng.

Do đó, anh T yêu cầu bà R, chị R1 liên đới trả số tiền trên cho anh và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/11/2022 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 01/8/2023) với mức lãi suất 0.83%/tháng, tổng cộng làm tròn 09 tháng lãi với số tiền lãi 20.420.000 đồng, tổng cộng số tiền vốn và lãi là 293.791.000 đồng

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Huỳnh Thị R trình bày:

Bà không thừa nhận có hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi với anh T, việc mua thức ăn chăn nuôi của anh T là do vợ chồng chị R1 mua. Nay chồng chị R1 đã chết, nếu chị R1 đồng ý liên đới cùng trả số tiền trên cho anh T thì bà đồng ý trả, nếu chị R1 không đồng ý liên đới trả thì bà không đồng ý trả tiền cho anh T.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Trần Thị Sa R1 trình bày:

Việc mua thức ăn chăn nuôi của anh T chỉ một mình mẹ chồng chị là bà R ký kết với anh T, do chị là con dâu của bà R sống chung nhà nên phụ giúp bà R chăn nuôi. Chị không có thỏa thuận mua thức ăn của anh T nên không đồng ý liên đới cùng bà R trả số tiền nợ mà anh T yêu cầu.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2023/DS-ST ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã áp dụng các Điều 357, 429, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh T. Buộc bà Huỳnh Thị R trả cho anh Lê Văn T số tiền 273.371.000 đồng nợ gốc và lãi suất 20.420.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 293.791.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc yêu cầu chị Trần Thị Sa R1 liên đới cùng bà R trả cho anh Lê Văn T số tiền 293.791.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2023, nguyên đơn anh Lê Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp chấp toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà R và chị R1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền mua bán thức ăn còn nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chị N trình bày: Trước khi anh T1 chết, thì anh T1, chị R1 và bà R cùng chăn nuôi gà, chị R1 và bà R đều thừa nhận có biết số nợ tiền mua thức ăn và có ký tên vào sổ theo dõi. Việc bà R đại diện gia đình ký tên thì anh T không có thắc mắc vì bà R là mẹ anh T1, mẹ chồng chị R1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị R1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà R trả số tiền 293.791.000 đồng.

Các bị đơn bà R, chị R1 không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn. Chị R1 cho rằng bà R là người chăn nuôi, chị chỉ phụ giúp, không liên quan đến việc mua bán với anh T, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 75/2023/DS-ST ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của anh Lê Văn T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Văn T chỉ kháng cáo đối với phần trách nhiệm liên đới của chị Trần Thị Sa R1 nên cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại đối với nội dung này. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[2] Xét kháng cáo của anh T:

Nguyên đơn anh T cho rằng trước đây bà R, chị R1 và anh T1 (chồng chị R1) cùng mua thức ăn của anh để chăn nuôi, phát triển kinh tế phục vụ cuộc sống gia đình. Trong quá trình mua bán vì để thống nhất thì việc ký tên khi giao nhận thức ăn đều do bà R ký, nhưng trên thực tế cả 03 người đều trực tiếp chăn nuôi và cùng thanh toán các khoản nợ cho anh. Hiện nay, anh T1 đã chết nên chị R1 và bà R phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ mua bán thức ăn cho anh.

Tuy nhiên, trình bày của nguyên đơn không được bị đơn chị Trần Thị Sa R1 thừa nhận, chị R1 cho rằng chị chỉ phụ giúp mẹ chồng là bà R trong việc chăn nuôi, chị không có giao dịch mua bán thức ăn với anh T. Đồng thời, việc giao dịch mua bán giữa các bên không có lập hợp đồng cụ thể, nguyên đơn chỉ

có lập sổ theo dõi giao thức ăn. Trong tất cả các lần giao thức ăn chỉ có chữ ký nhận của bà R. Trong quá trình tố tụng, chị R1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều cho rằng trong sổ theo dõi thức ăn, có một vài chữ ký do chị R1 ký nhận, nhưng chị R1 ký tên của bà R do chị R1 cho rằng chị ký nhận thay bà R, nên không ký chữ ký của chị, nguyên đơn cũng không thắc mắc gì về việc chị R1 ký nhận bằng tên bà R. Từ đó, nhận thấy không đủ căn cứ cho rằng chị R1 có tham gia giao kết hợp đồng mua bán thức ăn với nguyên đơn, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chị R1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 293.791.000 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lê Văn T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn T;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 75/2023/DS-ST ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 357, 429, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T. Buộc bà Huỳnh Thị R có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn T số tiền 273.371.000đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) nợ gốc và lãi suất 20.420.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi là 293.791.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn T về việc yêu cầu chị Trần Thị Sa R1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà Huỳnh Thị R trả cho anh Lê Văn T số tiền 293.791.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường

hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Huỳnh Thị R chịu 14.689.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.174.000đ (Bảy triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004745 ngày 18/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

[2.2] Án phí phúc thẩm: Buộc anh Lê Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006847 Lengày 08 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tòng